

ĐIỂM THI

Lớp: Bồi dưỡng KT QLNN ngạch chuyên viên Khóa 69

Môn: Phần II - Các kỹ năng

Giảng viên chấm: Đinh Thị Thúy Hương; Đoàn Thị Vân Thúy

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Bé Tuấn Anh	6.75	Sáu phẩy bảy năm	30	Chu Tuấn Nam	8	Tám
2	Nông Hoàng Anh	7.50	Bảy phẩy năm	31	Nông Thị Nương	8	Tám
3	Nguyễn Thị Bích	8	Tám	32	Nguyễn Xuân Ngân	8	Tám
4	Vi Thị Biền	7.50	Bảy phẩy năm	33	Nguyễn Quỳnh Ngân	8.5	Tám phẩy năm
5	Triệu Thanh Bình	8	Tám	34	Hứa Thị Ngọc	8	Tám
6	Hoàng Kim Chi	8	Tám	35	Nông Anh Ngọc	8	Tám
7	Dương Minh Chiến	8	Tám	36	Vy Thị Nha	8	Tám
8	Chu Thị Diệp	8.25	Tám phẩy hai năm	37	Nông Thị Hương Nhu	8.25	Tám phẩy hai năm
9	Hà Thị Dung	8.25	Tám phẩy hai năm	38	Nông Thị Quyên	8.25	Tám phẩy hai năm
10	Đinh Thị Duyên	8.25	Tám phẩy hai năm	39	Bé Văn Quyết	8	Tám
11	Trần Nguyên Đán	7.75	Bảy phẩy bảy năm	40	Mã Vĩnh Quyết	8.25	Tám phẩy hai năm
12	Trần Văn Đạt	8.25	Tám phẩy hai năm	41	Thắm Thị Tiên	8.25	Tám phẩy hai năm
13	Tô Thúy Diệp	8	Tám	42	Nông Văn Tôn	8	Tám
14	Nông Quốc Gia	6.5	Sáu phẩy năm	43	Nguyễn Văn Tuấn	8	Tám
15	Nông Đức Giang	8	Tám	44	Hoàng Ngọc Thái	8	Tám
16	Luân Thị Hiệp	8	Tám	45	Long Thị Thanh	8.25	Tám phẩy hai năm
17	Hoàng Văn Hiệp	7.75	Bảy phẩy bảy năm	46	Lương Thị Thảo	7.50	Bảy phẩy năm
18	Phạm Thị Hiệu	8.25	Tám phẩy hai năm	47	Phan Thị Thảo	8	Tám
19	Đàm Đức Hoàng	8	Tám	48	Nông Thị Minh Thu	7.50	Bảy phẩy năm
20	Đàm Huy Hoàng	8.25	Tám phẩy hai năm	49	Lại Thị Minh Thu	7.25	Bảy phẩy hai năm
21	Bé Thị Huế	8.25	Tám phẩy hai năm	50	Đoàn Thị Thuần	8	Tám
22	Triệu Thị Thu Huế	8	Tám	51	Hà Thị Thuận	8	Tám
23	Trương Quốc Hương	8	Tám	52	Hoàng Thị Thúy	7.75	Bảy phẩy bảy năm
24	Đinh Quốc Khởi	7.50	Bảy phẩy năm	53	Nguyễn Trung Thực	8.5	Tám phẩy năm
25	Chu Thúy Lệ	8.25	Tám phẩy hai năm	54	Nguyễn Thu Trang	8.5	Tám phẩy năm
26	Nông Văn Linh	6.75	Sáu phẩy bảy năm	55	Đàm Văn Trình	8	Tám
27	Dương Thị Loan	8.25	Tám phẩy hai năm	56	Triệu Quang Vĩnh	8	Tám
28	Đặng Hồng Lưu	8	Tám	57	Hoa Văn Xuân	8	Tám
29	Hoàng Đức Nam	7	Bảy				

Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 01 điểm; Điểm 7,25: 01 điểm; Điểm 7,50: 05 điểm; Điểm 7,75: 03 điểm; Điểm 8,00: 27 điểm; Điểm 8,25: 14 điểm; Điểm: 8,50: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

Hoàng Thị Quế

PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG

Tô Vũ Ninh



Lục Văn Kên